

# QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - HÀN QUỐC: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

*ThS Lê Thị Ngọc Lan  
ThS Nguyễn Hữu Thật  
& ThS Ngô Thị Minh Nguyệt*

Vào tháng 12 năm 1992, Việt Nam và Hàn Quốc đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, mở ra một thời kỳ mới cho mối quan hệ song phương nhiều mặt giữa hai nước. Cho đến nay, Việt Nam và Hàn Quốc đã ký nhiều hiệp định quan trọng, trong đó có Hiệp định về Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc (08/2006). Việc ký kết Hiệp định Thương mại giữa hai bên đã góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước phát triển. Tuy nhiên, Hiệp định cũng đem đến nhiều cơ hội và thách thức mà, nếu khai thác tối đa cơ hội và tìm cách vượt qua thách thức thì chắc chắn quan hệ thương mại giữa hai nước sẽ phát triển mạnh.

Bài viết này phân tích quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc, trong đó nêu bật những cơ hội, thách thức và đề xuất giải pháp phát triển quan hệ thương mại giữa hai quốc gia trong thời gian tới.

## 1. Tình hình quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc

Kể từ khi Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1992 đến nay, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đã tăng rất nhanh qua từng năm. Năm 1993 tổng kim ngạch buôn bán đạt 818.897.000 USD, năm 2000 tổng kim ngạch đạt hơn 2 tỷ USD và đến năm 2008 đạt gần 10 tỷ USD (xem bảng 1). Có thể nói, đây là một thành tựu hết sức to lớn, bởi sự thay đổi này chỉ diễn ra



trong vòng 8 năm. Hơn thế nữa trong vòng 8 năm này kinh tế thế giới có rất nhiều biến động lớn như khủng hoảng tài chính, lạm phát,... ảnh hưởng rất lớn đến quan hệ thương mại song phương giữa hai quốc gia.

### 1.1. Quy mô và tốc độ xuất khẩu

Theo số liệu ở bảng 1, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 22,4 lần trong giai đoạn 1993 - 2008. Năm 1993, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 90,6 triệu USD, sau 10 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (năm 2002), kim ngạch xuất khẩu là 470,3 triệu USD và đến năm 2008 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt hơn 2 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng trung bình là 19,2%.

Mặc dù từng năm kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam có nhiều biến động, sự chênh lệch về tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu qua các năm là rất lớn. Cuộc khủng hoảng tài

chính năm 1997 - 1998 xảy ra làm cho kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc giảm đi đáng kể. Kim ngạch xuất khẩu năm 1997 đạt trên 238 triệu USD thì đến năm 1998 giảm mạnh với tổng kim ngạch chỉ đạt hơn 183 triệu USD. Vào các năm 2003 và năm 2005, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng nhưng ở mức thấp, ít có sự đột phá, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 8,6% và 3,1%. Kim ngạch xuất khẩu chỉ tăng trưởng mạnh vào các năm 1995, 1999, 2004, 2006, 2007 và 2008. Đặc biệt là năm 1995 với tốc độ tăng trưởng rất cao 70,2% là do các doanh nghiệp chú trọng vào việc xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như: dệt may, linh kiện điện tử, đồ nội thất, giấy dếp,... Năm 2007 cũng là năm có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng khá cao với kim ngạch xuất

khẩu hơn 1 tỷ USD tăng 50,5% so với năm 2006. Năm 2008, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hàn Quốc thấp hơn so với năm 2007 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, mặc dù vậy kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc vẫn đạt hơn 2 tỷ USD.

**1.2. Quy mô và tốc độ nhập khẩu**

Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Hàn Quốc luôn duy trì ở mức cao và ít có sự biến động. Năm 2008 đạt hơn 7 tỷ USD tăng 10,7 lần so với kim ngạch nhập khẩu năm 1993 (đạt 728,3 triệu USD). Số liệu bảng 1 cho thấy tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân hàng năm là 14,8% thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân (19,2%).

**Bảng 1: Kim ngạch xuất - nhập khẩu Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 1993 - 2008**

*Đơn vị: 1000 USD, %*

Năm	Kim ngạch xuất khẩu	Tăng/giảm	Kim ngạch nhập khẩu	Tăng/giảm	Tổng kim ngạch	Tăng/giảm	Thâm hụt thương mại
1993	90.629		728.628		818.897		637.639
1994	113.775	25,5	1.027.359	41,1	1.141.134	39,4	913.584
1995	193.598	70,2	1.351.014	31,5	1.544.612	35,4	1.157.416
1996	232.048	19,9	1.599.141	31,5	1.831.189	18,6	1.367.093
1997	238.558	2,8	1.603.126	0,3	1.841.684	0,6	1.364.568
1998	183.834	-22,9	1.361.397	-15,1	1.545.232	-16,1	1.177.563
1999	264.231	43,7	1.445.179	6,2	1.709.410	10,6	1.180.948
2000	322.441	22,0	1.686.025	16,7	2.008.466	17,5	1.363.584
2001	385.779	19,6	1.731.663	2,7	2.117.442	5,4	1.345.884
2002	470.309	21,9	2.240.187	29,4	2.710.496	28,0	1.769.878
2003	510.700	8,6	2.561.234	14,3	3.071.934	13,3	2.050.534
2004	673.300	31,8	3.255.574	27,1	3.928.874	27,9	2.582.274
2005	694.043	3,1	3.431.654	5,4	4.125.697	5,0	2.737.611
2006	924.856	33,3	3.927.476	14,5	4.852.332	17,6	3.002.620
2007	1.391.588	50,5	5.760.054	46,7	7.151.642	47,4	4.368.466
2008	2.037.075	46,4	7.804.817	35,5	9.841.892	37,6	5.767.742

*Nguồn: Korea International Trade Association, <http://www.kita.org/statistics/trade-by-country/specific-country>, năm 2009*

Tuy nhiên, kim ngạch hai chiều của Việt Nam và Hàn Quốc vẫn có những nét tương đồng nhất định. Năm 1998, với mức tăng trưởng âm; các năm 2003, 2005 với những bước tiến chậm chạp và sau đó là sự tăng trưởng nhanh chóng trong những năm gần đây. Giai đoạn 1993 - 2006 đánh dấu tốc độ tăng trưởng cao và ổn định của kim ngạch nhập khẩu với các mức 41,1% (năm 1994) và 31,5% (năm 1995). Năm 2007 và 2008 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ với kim ngạch nhập khẩu lần lượt là 5,7 và 7,8 tỷ USD tương ứng với mức tăng 46,7% và 35,5%.

### **1.3. Về cán cân thương mại**

Nhìn từ bảng 1, có thể thấy dù trong giai đoạn nào, Việt Nam vẫn luôn nhập siêu trong quan hệ thương mại với Hàn Quốc và mức nhập siêu luôn gia tăng, từ 637,6 triệu USD năm 1993 lên gần 1,2 tỷ USD năm 1998 và 2,05 tỷ USD năm 2003, tương ứng chiếm 40,7%, 56,1% và 42% tổng thâm hụt của cả nước. Đến năm 2008, mức thâm hụt đã lên tới hơn 5 tỷ USD. Có thể nói sự biến động lớn trong cán cân thương mại giữa hai nước trong năm 2008 có liên quan chặt chẽ với xu hướng giảm mạnh giá của dầu mỏ, thực phẩm và nhiều loại nguyên liệu khác trên thị trường thế giới, xuất khẩu và nhu cầu nhập khẩu của Hàn Quốc giảm mạnh, với biến động tỷ giá giữa USD và VND. Hiện nay, mặc dù hai nước đã nỗ lực để đưa ra các biện pháp thích hợp nhằm giảm nhập siêu của Việt Nam song trong thời gian tới, xu hướng Việt Nam nhập siêu lớn từ Hàn Quốc sẽ vẫn còn tiếp tục.

### **1.4. Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu**

#### **- Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu**

Giai đoạn 1993 - 2008, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam ngày càng có những

chuyển biến tích cực. Năm 1993, Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc chủ yếu là các mặt hàng chế tạo có hàm lượng lao động cao, hàm lượng công nghệ và vốn thấp và các loại nguyên liệu thô và sơ chế.

Thời kỳ này, quan hệ hợp tác Việt - Hàn đã có những bước tiến lớn và cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc cũng có nhiều biến động đáng kể. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn chủ yếu là các mặt hàng: thủy sản, cao su, dầu thô, cà phê... Thủy sản trở thành mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu với 25,42%. Xuất khẩu thủy sản sang Hàn Quốc chiếm 6% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước, chỉ sau ba thị trường là Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản<sup>1</sup>. Đạt được kết quả như vậy là do trong các năm 2000 và 2001, Việt Nam đã ký kết được thỏa thuận về kiểm dịch hàng thủy sản với Hàn Quốc, theo đó, Hàn Quốc công nhận giấy chứng nhận vệ sinh thực phẩm do Cục Quản lý Chất lượng và Vệ sinh Thú y Thủy Sản Việt Nam (NAFIQAVED) cấp. Cũng trong năm này, tỷ trọng nhóm hàng nông sản và nguyên liệu đạt được kim ngạch tương đối cao và tăng nhiều so với năm trước đó. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan thì xuất khẩu cao su năm 2003 tăng mạnh tới 43,1%, đạt kim ngạch kỷ lục là 22,3 triệu USD. Còn xuất khẩu cà phê tăng 74,7% đạt kim ngạch 24 triệu USD, cà phê của Việt Nam chiếm tỷ trọng đến 30% trong tổng lượng cà phê nhập khẩu của Hàn Quốc.

Năm 2008, Hàn Quốc vẫn đứng vững ở vị trí thứ tư trong số các thị trường nhập khẩu thủy sản Việt Nam và đứng thứ hai về nhập khẩu thủy sản khô từ Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2008 đã đạt đến 300

(1) Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (02/08/2006), Quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc - <http://www.nciec.gov.vn/index.nciec?1269>

triệu USD, chiếm 7% tổng kim ngạch xuất khẩu, tiếp tục duy trì vị thế tiên phong cho xuất khẩu Việt Nam trên thị trường Hàn Quốc với các mặt hàng chủ lực đem lại kim ngạch cao là tôm, bạch tuộc, chả cá đông lạnh, mực khô và cá khô. Trong những năm gần đây, sản lượng khai thác thủy sản của Hàn Quốc liên tục giảm, trong khi nhu cầu tiêu thụ và xu hướng tiêu dùng các mặt hàng tươi sống và chế biến sẵn chất lượng cao ngày càng tăng. Đây chính là cơ hội cho các nhà xuất khẩu

thủy sản Việt Nam có cơ hội thâm nhập sâu hơn vào thị trường này và đạt được kết quả khả quan như vậy. Thêm vào đó, từ đầu năm 2007, các nước thành viên ASEAN, trong đó có Việt Nam đã được miễn thuế nhập khẩu đối với 10.000 tấn thủy sản (gồm 7.300 tấn tôm và 2.000 tấn mực nang đông lạnh) sang thị trường Hàn Quốc. Đây là một trong những thỏa thuận tự do hóa nằm trong Hiệp định Thương mại hàng hóa khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Hàn Quốc.

**Bảng 2: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hàn Quốc**

*Đơn vị: 1.000 USD*

Mặt hàng xuất khẩu	2003	2007	2008
Hải sản	140.240	274.392	301.832
Than đá	14.661	72.739	91.361
Giấy dếp	30.094	60.120	64.282
Gỗ và các sản phẩm gỗ	23.742	82.537	101.521
Cao su	22.276	60.177	63.186
Cà phê	23.884	51.566	82.815
Dầu thô	45.120	112.156	172.244
Dệt may	20.087	72.320	139.337
Dây điện và dây cáp điện	3.700	34.260	49.820

*Nguồn: Thống kê Hải quan của Tổng cục Hải quan*

Trong lĩnh vực nông nghiệp, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hàn Quốc năm 2008 cũng chỉ tăng nhẹ 5,1% so với năm 2007. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng cà phê lại tăng mạnh với 82,8 triệu USD tăng đến 60,6% so với năm 2007. Đây quả là những nỗ lực rất đáng khen ngợi của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam trong thời kỳ nông sản đang phải chống chọi với khủng hoảng tài chính hiện nay.

Đối với các mặt hàng chế tạo, giấy dếp và đồ gỗ có những bước tiến mạnh trong kim

ngạch xuất khẩu. Năm 2008, kim ngạch xuất khẩu giấy dếp đạt 64,3 triệu USD, tăng 2 lần so với năm 2003. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường Hàn Quốc trong năm 2008 đã đạt mức cao là 101 triệu USD, tăng 23,9% so với năm 2007. Năm 2008, mặt hàng than đá vươn lên trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam. Với kim ngạch xuất khẩu là 91,3 triệu USD tương đương 974 nghìn tấn, tăng 25,6% so với năm 2007, Hàn Quốc trở thành thị trường nhập khẩu lớn thứ ba cho mặt hàng này.

*- Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu*

Cơ cấu nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Hàn Quốc biến động không nhiều trong giai đoạn 1993 - 2008. Năm 1993, khi quan hệ ngoại giao giữa hai nước mới được thiết lập, các mặt hàng chính mà Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc là nguyên liệu dệt, nguyên liệu nhựa, phân bón, sắt thép, xăng dầu, máy móc thiết bị, máy thu hình, thiết bị viễn thông, xe máy và linh kiện xe máy. Đây là những mặt hàng cần thiết cho Việt Nam bước đầu phát triển các ngành sản xuất đòi hỏi trình độ công nghệ thấp nhưng sử dụng nhiều lao động nhằm tập trung nguồn lao động dồi dào sẵn có trong nước.

Mười năm sau, tức năm 2003, cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam từ Hàn Quốc đã có những thay đổi lớn. Nhóm hàng máy móc và trang thiết bị vận tải có xu hướng tăng dần, tương tự với nhóm hàng nguyên liệu dùng trong sản

xuất công nghiệp nhẹ (dệt, may, da giày) chiếm tỷ trọng đến 40% kim ngạch nhập khẩu (xem Bảng 3).

Bảng 3 cho thấy đến năm 2008, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng của Việt Nam từ Hàn Quốc đã có những thay đổi đáng kể. Mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm ưu thế trong số các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam. Hàn Quốc đứng thứ ba trong số các thị trường xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam với kim ngạch 1,02 tỷ USD, tăng 22,6%. Trong đó, máy móc thiết bị công nghiệp chuyên dụng chiếm 146,3 triệu USD, máy móc dệt, may, da và linh kiện chiếm 146,6 triệu USD. Đối với mặt hàng ô tô nguyên chiếc, Hàn Quốc tiếp tục là thị trường cung cấp chính của Việt Nam năm 2008 với 24,17 nghìn chiếc, chiếm 7% tổng lượng ô tô nguyên chiếc nhập khẩu của cả nước.

**Bảng 3 : Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Hàn Quốc**

*Đơn vị: 1.000 USD*

Nhóm mặt hàng	2003	2007	2008
Thiết bị viễn thông	123.689	231.493	152.721
Vải dệt kim	178.354	412.177	563.243
Vải dệt và chỉ dệt chuyên dụng	155.744	200.943	212.306
Vải dệt thoi hoặc vật liệu dệt bằng sợi nhân tạo	146.447	153.408	167.326
Máy móc dệt, may, da và linh kiện	116.029	96.798	146.607
Ô tô chở hàng và ô tô chuyên dụng	167.948	117.880	186.895
Da	90.831	93.747	111.820
Chỉ dệt	82.704	73.805	88.062
Máy móc, thiết bị công nghiệp chuyên dụng	65.376	127.948	146.366
Xe chở người	66.044	72.031	64.988

*Nguồn: Korea International Trade Association,*

*<http://www.kita.org/statistics/trade-by-country/specific-country>*

## **2. Những thuận lợi và khó khăn trong quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc**

### **2.1. Những thuận lợi**

Một trong những điều kiện thuận lợi đầu tiên thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương Việt - Hàn là giữa hai nước đều có sự tương đồng về lợi ích, từ lợi ích kinh tế đến lợi ích chính trị và an ninh cũng như sự tương thích về chiến lược và chính sách phát triển. Trong khi Việt Nam tiến hành sự nghiệp đổi mới với chính sách đối ngoại "rộng mở, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ, muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình độc lập và phát triển" và bắt đầu tham gia hội nhập quốc tế và khu vực thì cũng trong thời điểm đó, Hàn Quốc đề ra chính sách ngoại giao với năm phương châm cơ bản là "toàn cầu hoá", "đa biên hoá", "đa nguyên hoá", "hợp tác khu vực của thời đại Thái Bình Dương" và "ngoại giao thống nhất hướng về tương lai". Những chính sách của hai nước đều có mục tiêu chung là góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, ổn định, hợp tác để phát triển ở khu vực và trên thế giới. Đồng thời đó cũng là cơ sở để phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị song phương giữa hai nước.

Hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc mang tính bổ sung cho nhau thay vì cạnh tranh trong phát triển kinh tế. Hàn Quốc là một nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn chế, điều kiện khí hậu không mấy thuận lợi, nhưng Hàn Quốc lại có nhiều thập kỷ tích lũy kinh nghiệm phát triển, có nguồn vốn đáng kể và trình độ công nghệ khá cao. Trong khi đó, Việt Nam lại là một nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, nguồn nhân lực dồi dào, thị trường rộng lớn và có nhu cầu về vốn và công nghệ cùng nhiều kinh nghiệm quản lý. Hợp tác thương mại giữa hai nước sẽ giúp cho các nguồn lực của hai nước được bổ

sung cho nhau, tận dụng được những lợi thế của nước mình và nước bạn, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cả hai nước.

Việt Nam và Hàn Quốc còn có nhiều nét tương đồng về địa lý, lịch sử và văn hóa. Cùng nằm ở phía Tây Thái Bình Dương, Việt Nam và Hàn Quốc đều có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Á, là cửa ngõ đi vào lục địa Á, Âu. Hai nước đều có bản sắc dân tộc và văn hoá độc đáo, không có mâu thuẫn và xung đột sắc tộc. Sự tương đồng về văn hoá, địa lý chính là cơ sở vững chắc để xây dựng mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện lâu dài giữa hai nước.

Một điều kiện thuận lợi khác đó là cả 2 nước đều đã tham gia và là thành viên chính thức của nhiều diễn đàn đối thoại, thể chế đa phương khu vực và quốc tế như WTO, Asean+1, Asean+3, APEC, ASEM, và đặc biệt là sự kiện Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc chính thức có hiệu lực đã tạo thêm nhiều cơ hội thuận lợi cho hai nước phát triển quan hệ hợp tác song phương.

### **2.2. Những khó khăn**

Khó khăn lớn nhất trong quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc là do trình độ phát triển kinh tế giữa hai nước còn quá chênh lệch. Hàn Quốc đã bắt đầu giai đoạn tăng trưởng kinh tế nhanh từ nửa đầu những năm 1960 và đến nay đã là một nước công nghiệp. Trong khi đó, quá trình đổi mới, phát triển kinh tế của Việt Nam mới chỉ diễn ra được gần 3 thập kỷ và cho đến nay vẫn là một nước nông nghiệp đang trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Trong quan hệ thương mại, Việt Nam vẫn trong tình trạng nhập siêu. Hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc chủ yếu vẫn là các mặt hàng nông sản, các sản phẩm thô sơ chế, hàm lượng công nghệ thấp, giá trị gia tăng

không cao, trong khi đó hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc lại chủ yếu là máy móc, thiết bị công nghệ cao, giá trị lớn để phục vụ công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Hơn nữa, thị trường Hàn Quốc là thị trường khó tính, rất kén chọn hàng tiêu dùng đặc biệt là lương thực, thực phẩm. Hàn Quốc vẫn còn áp dụng nhiều biện pháp bảo hộ phi thuế quan với mặt hàng nông sản, lương thực, thực phẩm. Yêu cầu về chất lượng, kiểm dịch của Hàn Quốc rất cao, chẳng hạn như Nhật Bản chấp nhận độ đậm phân huỷ là 12% thì Hàn Quốc chỉ chấp nhận 8%. Đây thực sự là thách thức với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam khi mà trình độ, công nghệ sản xuất vẫn chưa cao, các sản phẩm chế biến vẫn chưa đạt được các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **3. Một số giải pháp thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc**

Trong thương mại Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam luôn rơi vào tình trạng bị nhập siêu và mức nhập siêu luôn gia tăng theo thời gian. Để cân bằng cán cân thương mại giữa Việt Nam - Hàn Quốc và phát triển quan hệ thương mại giữa hai quốc gia nhóm tác giả xin đề xuất một số giải pháp sau:

#### ***- Nâng cao hiệu quả của đàm phán song phương***

Thực tế, Việt Nam đã đạt được một số thỏa thuận quan trọng về tự do hóa thương mại với Hàn Quốc trong Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc. Tuy nhiên, để giảm nhập siêu từ Hàn Quốc thì không thể trông chờ vào một phía mà cần phải có sự nỗ lực hợp tác thiện chí của cả hai bên.

Trong các cuộc đối thoại, đàm phán song phương Việt Nam cần đề nghị Chính phủ Hàn Quốc tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa nhằm giúp Việt Nam tăng kim ngạch xuất khẩu vào

thị trường này những mặt hàng mà Việt Nam có tiềm năng và những mặt hàng mà Hàn Quốc đang chuyển hướng nhập khẩu từ bên ngoài. Đồng thời nên khuyến khích các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư sản xuất tại Việt Nam đối với những mặt hàng có tiềm năng xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, giảm bớt các rào cản kỹ thuật.

#### ***- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, đặc biệt là xúc tiến xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc***

Thời gian qua, Việt Nam mới tập trung vào các hoạt động thông tin thương mại, quảng cáo, khuyến mãi, tổ chức các hội chợ, triển lãm để giới thiệu sản phẩm với những người tiêu dùng trong và ngoài nước. Các hội chợ, triển lãm được tổ chức chủ yếu ở Việt Nam, nên tác động quảng bá sản phẩm Việt Nam đến người tiêu dùng Hàn Quốc còn thấp. Một vấn đề nữa là nguồn lực hoạt động xúc tiến xuất khẩu rất hạn chế, chưa được huy động và khai thác một cách hiệu quả. Đối với thị trường Hàn Quốc, hoạt động xúc tiến xuất khẩu trong thời gian tới cần tập trung vào việc nghiên cứu thị trường, mở rộng danh mục sản phẩm xuất khẩu, xây dựng thương hiệu và hoàn thiện mạng lưới xúc tiến xuất khẩu.

#### ***- Tăng cường nghiên cứu và cung cấp thông tin về thị trường Hàn Quốc***

Về phía chính phủ, cần đặc biệt phát huy vai trò của các tham tán thương mại, cung cấp những thông tin hữu ích về doanh nghiệp, về những đặc điểm thị trường Hàn Quốc tới các doanh nghiệp Việt Nam và ngược lại đem đến cho doanh nghiệp Hàn Quốc những hiểu biết về doanh nghiệp Việt Nam và hàng hóa Việt Nam. Ngoài ra, Bộ Công thương còn cần phải thường xuyên tổ chức những cuộc gặp gỡ giữa các doanh nghiệp hai nước để họ tìm hiểu

nhau, trao đổi kinh nghiệm, để quảng cáo, giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp mình tiến tới hợp tác kinh doanh. Bên cạnh đó cần nâng cao vai trò hỗ trợ trực tiếp doanh nghiệp của các tổ chức xúc tiến thương mại, đặc biệt là của hiệp hội ngành hàng và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Về phía các doanh nghiệp cần tăng cường nghiên cứu thị trường Hàn Quốc qua hệ thống Internet, tivi, báo chí... nắm chắc và thường xuyên cập nhật các thông tin về thị trường, tranh thủ các thông tin từ các tổ chức xúc tiến thương mại, đặc biệt là Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Cục Xúc tiến, Tổ chức xúc tiến thương mại Hàn Quốc tại Việt Nam. Những cơ quan xúc tiến thương mại của chính phủ Hàn Quốc là KOTRA (Korea Trade Investment Promotion Agency), KITA (Korea International Trade Association) và các trung tâm hội chợ hiện đại là COEX ở thủ đô Seoul, BEXCO ở thành phố Busan.

#### **- Đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu sang Hàn Quốc**

Việc mở rộng danh mục hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong thời

gian tới cần được dựa trên khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam và đặc điểm của thị trường người tiêu dùng Hàn Quốc. Việt Nam có lợi thế cạnh tranh trong việc sản xuất và chế biến nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản, hàng may mặc, giày da. Tuy nhiên, trên thị trường Hàn Quốc, một số hàng có khả năng cạnh tranh của Việt Nam như may mặc, đồ chơi, khó có thể trụ được bởi sự cạnh tranh của hàng hóa từ Trung Quốc. Vì thế, để mở rộng danh mục hàng hóa xuất khẩu, Việt Nam cần tập trung vào những hàng hóa mà thị trường Hàn Quốc đã chấp nhận và có khả năng sẽ chấp nhận. Đối với những hàng hóa đã được thị trường này chấp nhận cần phải cố gắng đảm bảo chất lượng, cũng như những yêu cầu ngày càng chặt chẽ hơn của thị trường về vệ sinh an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn khác. Đối với những sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu cao như hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ nội thất cần phải có chiến lược xây dựng thương hiệu, quảng bá và giới thiệu sản phẩm thích hợp đến người tiêu dùng. □

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Văn bản thống kê của Tổng cục Hải Quan Việt Nam (18/03/2009), *Tình hình xuất nhập khẩu tháng 12 và cả năm 2008*, Hà Nội.
2. PGS, TS Ngô Xuân Bình (2006), *Hội nhập kinh tế Đông Á và tác động của nó tới quan hệ kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc*, Tài liệu Viện nghiên cứu Đông Bắc Á, Hà Nội.
3. GS, TS Đỗ Hoài Nam, PGS, TS Ngô Xuân Bình và GS Sung Yeal Koo (2005), *Hợp tác kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc trong bối cảnh hội nhập Đông Á*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. TS Nguyễn Hồng Nhung và PGS, TS Lê Bộ Lĩnh (2006), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc: Thực trạng và triển vọng*, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội.
5. Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế quốc tế (02/08/2006), *Quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc* \_ <http://www.nciec.gov.vn/index.nciec?1269>